

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 8 – ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2026/HNGĐ-ST  
Ngày: 25– 02 – 2026  
V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐỒNG THÁP**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Phạm Văn Tuấn Em

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Quách Thị Hồng Ngọc

2. Bà Bùi Thanh Thúy

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Thái Ngọc Thanh Vy– Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đồng Tháp.

Ngày 25 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đồng Tháp tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 156/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2026/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Bé P, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã P, tỉnh Đồng Tháp (Địa chỉ: Số A, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số A, ấp P, xã P, tỉnh Đồng Tháp (Địa chỉ cũ: Số A, khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp).

*Tại phiên tòa, nguyên đơn chị P có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh H vắng mặt.*

**NHẬN THẤY:**

**Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê Thị Bé P trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị P và anh Nguyễn Thanh H quen biết nhau trên cơ sở mai mối năm 2003, trong năm 2003 thì đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 29/01/2004 tại UBND xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã P, tỉnh Đồng Tháp). Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không lo làm ăn, cờ bạc, uống rượu bia, cũng từ năm 2007 thì chị P và anh H không còn sống chung, ly thân đến nay, không còn liên lạc với nhau. Chị P đi tỉnh Đồng Nai làm thuê sinh sống, đến năm 2019 thì chị

P về nhà cha mẹ ruột tại số A, ấp T, xã P, tỉnh Đồng Tháp (Địa chỉ: Số A, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp) sinh sống đến nay. Nay chị P nhận thấy tình cảm với anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

- Về nuôi con chung: Chị P và anh H có 01 con chung tên Nguyễn Thị Yên N, sinh ngày 17/11/2004 đã thành niên, tự lao động được nên không yêu cầu giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

**Bị đơn anh Nguyễn Thanh H:** Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, các giấy triệu tập và các văn bản tố tụng hợp lệ khác nhưng anh H không có văn bản nêu ý kiến, không đến Tòa án để làm việc.

### **XÉT THẤY:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Trên cơ sở Đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Thanh H cư trú tại xã P, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Bé P có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Thanh H triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị P, anh H theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung.

[3.1]. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Bé P và anh Nguyễn Thanh H quen biết nhau năm 2003, sau đó chị P và anh H tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày ngày 29/01/2004 tại UBND xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã P, tỉnh Đồng Tháp) nên quan hệ hôn nhân của anh chị được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau:

*“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

*2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”*

Qua Tòa án thu thập chứng cứ là lời trình bày của chị P thể hiện trong quá trình chung sống, chị P và anh H thường xuyên mâu thuẫn, anh H không lo làm ăn, không còn quan tâm chăm sóc gia đình, hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tình cảm giữa chị P và anh H không còn, cả hai đã sống ly thân từ năm 2007 đến nay.

Từ đó cho thấy đời sống hôn nhân giữa chị P, anh H vi phạm nghiêm trọng quy định về tình nghĩa vợ chồng.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được...”*.

Về phía anh H: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, các giấy triệu tập và các văn bản tố tụng hợp lệ khác cho anh H nhưng anh H không có văn bản nêu ý kiến, không đến Tòa án để làm việc, để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị P, cũng như trình bày biện pháp để hàn gắn tình cảm với chị P, từ đó cho thấy anh H cũng không có muốn đoàn tụ sống chung với chị P.

Từ những phân tích trên cho thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị P và anh H đã không thể hàn gắn được, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, vi phạm nghiêm trọng quy định về tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do đó, xét thấy việc chị P yêu cầu được ly hôn anh H là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2]. Về nuôi con chung: Chị P và anh H có 01 con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 17/11/2004, hiện đã thành niên, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.3]. Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị P xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị P phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ; khoản 2 Điều 7, khoản 3 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Bé P. Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Bé P và anh Nguyễn Thanh H.

2. Về nuôi con chung:

Đối với con chung tên Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 17/11/2004, hiện đã thành niên, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị P xác định không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị P xác định không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Bé P nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp ngày 30/10/2025 theo biên lai thu số 0006435 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp được khấu trừ toàn bộ vào án phí phải nộp.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 8;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã P, tỉnh Đồng Tháp (UBND xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cũ).  
(GCNKH số 18/2004 ngày 29/01/2004)
- Các đương sự;
- Lưu h/s.

**Phạm Văn Tuấn Em**